



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 41/2023

(03/10/2023 – 09/10/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua cước thuê phân khúc Capesize tiếp tục tăng mạnh góp phần kéo chỉ số BDI lên mốc mới 1.929 điểm - cao tương đương cùng kỳ tháng 10/2022. Mảng thuê tàu Capesize vô cùng khởi sắc (tăng 69,1% so với đầu tháng 9, riêng từ đầu tháng 10 đến nay đã tăng 26%) với cước thuê trung bình đang ở mức cao nhất kể từ ngày 26/5/2022. Trong khi đó, cước thuê các phân khúc còn lại đều giảm từ 0,5 -8% với nguyên nhân chủ yếu do Tuần lễ vàng tại Trung Quốc (từ ngày 1-7/10) khiến thị trường chậm lại. Vì vậy, giá bán tàu nhìn chung vẫn giữ nguyên mức cũ và chỉ tăng khoảng 5% so với tháng 9. Ở phân khúc Supramax, chủ tàu Hy Lạp chốt tàu **Star Zeta** (52.994 dwt, đóng 2003 Nhật) với giá khoảng 8 triệu đô la Mỹ. Mức giá này tương tự tàu trẻ hơn một tuổi **Jin Feng** (52.686 dwt, đóng 2004 Nhật, DD/SS 12/2024) được chủ tàu Trung Quốc bán cách đây khoảng 3 tuần với giá cũng 8 triệu đô la Mỹ. Tuy tàu **Star Zeta** sắp phải lên đà đặc biệt (DD/SS 11/2023) nhưng tình trạng tàu khá tốt so với tàu **Jin Feng**. Ở phân khúc Handysize, tàu **Leni Selmer** (34.959 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, chở gỗ được, DD 01/2025, SS 11/2026) được chủ tàu Na Uy bán với giá khoảng 11,55 triệu đô la Mỹ. Mức giá này tăng nhẹ nếu so sánh với tàu **Purple Sea** (35.214 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD 06/2024, SS 06/2026) được chủ tàu Hong Kong bán cuối tháng 9 với giá khoảng 10,9 triệu đô la Mỹ. Một tàu Handy cỡ 28k là **Port Kenny** (28.449 dwt, đóng 2004, chở gỗ được, DD/SS 04/2024) được chủ tàu Hong Kong Pacific Basin chốt bán với giá khoảng 7 triệu đô la Mỹ. Đã lâu rồi mới ghi nhận tàu 19-20 tuổi đóng Nhật bán thành công và đây sẽ là mốc tham chiếu mới cho các tàu tương tự trong thời gian tới. Hai tuần trước tàu **Glorious Jupiter** (26.091 dwt, đóng 2013 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, vừa qua đà DD/SS 08/2023) được chủ tàu Nhật chốt với giá khoảng 13,7 triệu đô la Mỹ và tuần trước tàu **21 Lucky** (29.756 dwt, đóng 2001 Nhật đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, chở gỗ được, DD 09/2024, SS 07/2026) được chủ tàu Trung Quốc chốt với giá khoảng 5,6 triệu đô la Mỹ nhưng đều không thành công và hai tàu này đang được chào bán lại.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, hiện tại chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) và BCTI (Baltic Clean Tanker Index) dần có sự phân hóa rõ rệt. Việc chỉ số BCTI liên tục giảm dấy lên quan ngại về xu hướng thị trường nói chung trong thời gian tới trước tình hình bất ổn địa chính trị xuyên suốt. Khi chiến tranh Nga - Ukraine vẫn chưa ngã ngũ thì tuần qua thế giới lại bàng hoàng bởi cuộc tấn công của Phong trào Hamas vào Isreal ngày 7/10 nhằm mục đích “giải phóng lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng”. Các nhà chức trách dự báo đây sẽ lại là một cuộc chiến khó khăn và khốc liệt, có nguy cơ gây căng thẳng cho các quốc gia Trung Đông lân cận và ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường dầu mỏ. Ở mảng mua bán tàu tuần qua, thị trường vẫn đang trong giai đoạn giằng co và khá yên ắng. Phân khúc MR đang là ngôi sao duy nhất với 7 trên 9 thương vụ, toàn bộ đều dưới 15 tuổi. Có tin tàu chemical **Dong-A Themis** (49.997 dwt, đóng 2015 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD/SS 01/2025) được chốt với giá khoảng 38 triệu đô la Mỹ. Mức này nhìn hơn

một chút vì tàu chưa lắp hệ thống lọc khí như tàu chị em **Dong-A Triton** (49.997 dwt, đóng 2015 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 01/2025) bán tháng 7 vừa qua cũng bằng 38 triệu đô la Mỹ. Cặp tàu chemical trẻ hơn một tuổi **Lacerta** và **Bora Bora** (~50.000 dwt, đóng 2016 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 06-07/2024, SS 03-06/2026) được chủ tàu Hy Lạp bán với giá khoảng 40,5 triệu đô la Mỹ.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGOES						
Aqua Bonanza	2010	Japan	180,176	Undisclosed	Greek, Golden Union	Old sale, DD/SS 01/2025
Mineral Shougang International	2009	China	180,171	23.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 07/2024
Am Gijon	2011	Japan	178,462	26.00	Greek, Alberta Shipmanagement	DD passed 09/2023, next DD/SS 11/2025
East Trader	2009	China	175,886	18.20	Danaos	BWTS fitted, DD/SS 10/2024
Cape Star	2010	China	175,366	21.20	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 07/2025
Lord Star	2013	Japan	82,830	23.80	Blumenthal, German	BWTS & Scrubber fitted, DD 03/2024, SS 06/2027
Kuno Oldendorff	2022	China	82,206	33.00	Greek	Bss dely 04/2024, DD 10/2025, SS 10/2027
Aom Georgina	2014	Tsuneishi Cebu, Philippines	82,146	24.80	Singaporean	BWTS & Scrubber fitted, DD 05/2025, SS 04/2027
Yangtze Xing Jin	2012	China	81,649	20.00	Chinese	Old sale, DD 11/2025, SS 11/2027
STC Sentosa	2008	Japan	76,619	Undisclosed	Singaporean	Old sale 08/2023, DD 03/2026, SS 02/2028
Zeyno	2014	China	63,064	22.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 09/2024, Turkish owners
Honwin	2009	Korea	57,334	Undisclosed	Undisclosed	DD/SS 09/2024, Chinese owners
RHL Clarita	2008	China	53,828	9.00	Undisclosed	DD 05/2025, SS 03/2028, German owners
Star Zeta	2003	Japan	52,994	8.00	HK-based	DD/SS due 11/2023
Leni Selmer	2011	China	34,959	11.55	Undisclosed	BWTS fitted, log-fitted, DD 01/2025, SS 11/2026, Norwegian owners
Port Kenny	2004	Japan	28,449	7.00	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 04/2024, Pacific Basin owners
TANKERS						
Chemtrans Aegean	2007	China	76,578	22.00	Undisclosed	DD 11/2025, SS 08/2027
Elizabeth M	2007	Korea	50,359	Undisclosed	Undisclosed	DD 10/2025, SS 07/2027

Evinos	2013	Korea	49,997	33.70	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS passed 06/2023, next DD 04/2026, SS 04/2028
Dong-A Themis	2015	Korea	49,997	38.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS 01/2025
Lacerta	2016	Korea	49,996	40.50	Turkish	BWTS fitted,, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 06/2024, SS 06/2026
Bora Bora	2016	Korea	49,994	40.50		BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 07/2024, SS 03/2026
TRF Bergen	2015	Hyundai-Vinashin, Vietnam	49,126	37.00	Hafnia	BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS 05/2025, Norwegian owners
Allied Pacific	2010	Korea	46,151	28.50	USA-based	Old sale 06/2023, BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD 04/2026, SS 05/2025
MTM Hong Kong	2000	Japan	34,465	12.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD due 12/2023, SS 07/2025
CONTAINER						
Northern Magnitude	2003	Korea	85,810	17.50	MSC	6732 teu, BWTS fitted, ice class II, DD/SS due 12/2023
Oakland	2000	Korea	66,781	11.90	Chinese	4843 teu, BWTS fitted, ice class II, DD/SS 12/2024
Ren Jian 9	2002	Korea	53,554	18.50	Chinese	Old sale 09/2023, 4515 teu, M/E Sulzer, DD 11/2025, SS 12/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	10/2023	1M	3M	6M	12M	

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	63.00	3%	-1%	-2%	10%	53.00
180k dwt	5 tuổi	47.50	0%	-6%	-12%	0%	37.25
170k dwt	10 tuổi	29.50	1%	-6%	-11%	-3%	26.25
150k dwt	15 tuổi	20.50	5%	5%	-2%	5%	16.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.00	0%	-1%	-5%	-1%	33.75
82k dwt	5 tuổi	32.50	2%	2%	-2%	3%	26.75
76k dwt	10 tuổi	22.50	10%	2%	-8%	-1%	18.00
74k dwt	15 tuổi	15.00	11%	0%	-8%	-6%	12.00

SUPRAMAX

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	10/2023	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	0%	8%	98.25
310k dwt	5 tuổi	98.50	0%	-2%	-2%	11%	73.50
250k dwt	10 tuổi	74.50	0%	-1%	-3%	16%	50.50
250k dwt	15 tuổi	56.50	0%	-3%	-7%	19%	35.25

SUEZMAX

160k dwt	Resale	91.00	0%	1%	6%	10%	67.50
150k dwt	5 tuổi	73.50	0%	0%	7%	18%	50.50
150k dwt	10 tuổi	58.50	0%	0%	8%	29%	35.25
150k dwt	15 tuổi	37.50	0%	0%	9%	25%	21.50

AFRAMAX

62k dwt	Resale	36.00	0%	-3%	-8%	-5%	31.50	110k dwt	Resale	80.00	1%	1%	2%	9%	55.00
58k dwt	5 tuổi	29.00	3%	-3%	-8%	-3%	21.75	110k dwt	5 tuổi	65.00	2%	2%	3%	11%	41.00
56k dwt	10 tuổi	20.50	12%	1%	-5%	-5%	15.75	105k dwt	10 tuổi	52.00	1%	-1%	3%	21%	28.50
52k dwt	15 tuổi	14.25	10%	-3%	-11%	-10%	11.25	105k dwt	15 tuổi	34.50	0%	0%	5%	23%	17.75
HANDYSIZE							MR								
37k dwt	Resale	33.00	3%	2%	3%	6%	25.75	52k dwt	Resale	51.00	0%	0%	5%	7%	39.50
37k dwt	5 tuổi	25.50	11%	0%	-4%	-4%	19.25	52k dwt	5 tuổi	41.50	1%	0%	-1%	1%	30.00
32k dwt	10 tuổi	17.00	13%	-3%	-11%	-8%	12.75	45k dwt	10 tuổi	32.00	2%	-4%	-6%	7%	20.50
28k dwt	15 tuổi	10.50	11%	-9%	-18%	-9%	8.00	45k dwt	15 tuổi	24.50	2%	4%	4%	26%	13.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LPG	99,000 cbm	Undisclosed	4	Jiangnan	Pacific Gas, China	2026 - 2027	Ethane
LPG	93,000 cbm	Undisclosed	4	Jiangnan	Eastern Pacific	SH 2027	
LPG	88,000 cbm	Undisclosed	4	Jiangnan	Eastern Pacific	2027	Ammonia ready
LPG	88,000 cbm	Undisclosed	4	Jiangnan	Capital Gas	2027	Ammonia ready
Bulker	210,000 dwt	67.00	4	JMU	Eastern Pacific	2025	Price per unit
Bulker	210,000 dwt	67.00	4	TMS	COSCO Yangzhou	2026 - 2027	Price per unit
Bulker	82,000 dwt	Undisclosed	1	Oshima	Alassia Newships	Q4 2026 – Q1 2027	Methanol dual fuel
Bulker	81,200 dwt	Undisclosed	2	Japan shipyard	Safe Bulkers	Q4 2026 – Q1 2027	Methanol dual fuel
Bulker	64,000 dwt	Undisclosed	2	Oshima	Alassia Newships	SH 2024	
Bulker	64,000 dwt	Undisclosed	2	Undisclosed	Pan Ocean, Korea	2026	Old transaction
Bulker	63,000 dwt	32.50	4	New Dayang	ACIC International Leasing	2026	Price per unit
Bulker	42,000 dwt	30.00	1	New Dayang	GSD Marin	2026	
Tanker	157,000 dwt	80.00	2	SWS	Flynn Tanker Ventures	2027	Price per unit
Tanker	18,500 dwt	30.00	4	CSSC Wuchang	Athenian Tankers	2026	Chemical tanker, price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	10/2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.00%	2.36%	-0.76%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	0.00%	12.00%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	0.00%	5.56%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	3.03%	3.03%	9.68%	-1.45%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	10/2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.79%	0.79%	5.79%	6.67%
Suezmax (170.000 dwt)	85.5	-0.58%	-0.58%	5.56%	4.27%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.00%	0.00%	7.03%	5.38%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	0.00%	4.40%	7.95%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua giảm nhẹ bởi lượng hàng bách hoá giảm trong Tuần lễ Vàng vừa qua. Khu vực Đại Tây Dương là nơi chịu nhiều ảnh hưởng nhất, trong khi đó Viễn Đông không có nhiều biến động. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.558 đô la Mỹ, giảm 483 đô la Mỹ so với mức 14.041 đô la Mỹ của tuần trước. Ở Thái Bình Dương, Oldendorff chốt tàu **Beechgate** (63.449 dwt, đóng 2019) đi gay từ CJK qua sông Skardon đến Trung Quốc với giá khoảng 12.5000 đô la Mỹ, tàu **Star Fighter** (61.455 dwt, đóng 2013) được chốt đi từ Singapore qua Indonesia đến Nam Trung Quốc với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Phía Ấn Độ Dương, Norden chốt tàu **Tomini Liberty** (63.511 dwt, đóng 2018) neo ở Krishnapatnam (07/10) đi từ Durban đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ cộng thêm 190.000 đô la Mỹ chi phí ballast, tàu **Ceylon Princess** (63.212 dwt, đóng 2016) neo ở Magdalla được đàm phán qua Vịnh Ả Rập đến Bangladesh với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ, tàu **Jag Radha** (58.133 dwt, đóng 2009) được đàm phán chở đá vôi từ Mina Saqr đến Bangladesh với giá khoảng 16.500 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, tàu **Great Vista** (61.072 dwt, đóng 2021) neo ở Dominica được chốt chở hàng rời từ Bắc Brazil đến Trung Quốc với giá khoảng 16.250 đô la Mỹ cộng thêm 625.000 đô la Mỹ chi phí ballast, ITG chốt tàu **Ocean GLSR** (56.108 dwt, đóng 2014) đi từ cảng Harcourt (26/09) qua Owendo đến Bờ Đông Ấn Độ với giá khoảng 23.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, tàu **Josco Fuzhou** (58.705 dwt, đóng 2012) được thuê khoảng 4-6 tháng, giao tàu ở Tianjin và trả tàu ở bất kỳ đâu với giá khoảng 12.750 đô la Mỹ.

Cước phân khúc **Handies** tuần qua có phần giảm nhẹ, ảnh hưởng phần lớn do nhu cầu chở hàng giảm ở Đại Tây Dương và các ngày nghỉ lễ ở Trung Quốc. Cụ thể, cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.144 đô la Mỹ, giảm 74 đô la Mỹ so với mức 12.218 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường ở Continent và Địa Trung Hải có phần giảm nhẹ, có tin một tàu khoảng 40.000 dwt được chốt đi từ Continent đến Viễn Đông với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ. Tàu **Jin Yuang Ling** (31.772 dwt, đóng 2009) neo ở Iskenderun được đàm phán với giá khoảng 16.500 đô la Mỹ cho chuyến chở hàng rời qua Canakkale đến nội Địa Trung Hải, tuy nhiên thương vụ không được chốt. Tàu **Paris Trader** (40.292 dwt, đóng 2013) neo ở Gibraltar được Lighthouse chốt chở clinker qua Đông Địa Trung Hải và trả tàu ở Caribbeans với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ. Phía Biển Đen, tàu **Saint Dimitrios** (33.788 dwt, đóng 2011) được chốt đi từ Varna và trả tàu ở Nam Tây Ban Nha với giá khoảng 15.250 đô la Mỹ. Ở Hoa Kỳ, thị trường đã ổn định hơn và cước đang có dấu hiệu tăng nhẹ bởi nhu cầu chở hàng ở đây đang tăng. Tàu **Agia Dynamis** (35.220 dwt, đóng 2010) được Cargill chốt đi từ Savannah đến Anh Quốc với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Thiếu tàu giao ngay ở Bắc Brazil giúp đẩy cước tăng, tàu **Federal Yamaska** (37.153 dwt, đóng 2013) được chốt chở nhôm từ Vila De Conde và trả tàu ở Na Uy với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ. Phía Châu Á, do các ngày nghỉ lên nên không có nhiều hoạt động vận tải diễn ra. Khu vực Viễn Đông, ghi nhận thấy lượng tàu neo đậu đang tăng nhẹ dẫn đến việc các chủ tàu chấp nhận giảm cước. Có nhiều dự đoán nhu cầu chở hàng mới sẽ tăng sau khi kỳ nghỉ lễ kết thúc. Có tin một tàu khoảng 28.000 dwt neo ở Trung Quốc được chốt đến Đông Nam Á với giá khoảng 8.000-8.500 đô la Mỹ. Tàu **Uni Auc One** (28.709 dwt, đóng 2007) neo ở cảng Moresby, có tin được chốt với giá khoảng 11.500-11.900 đô la Mỹ cho chuyến khứ hồi đến Úc. Thêm tin một tàu khoảng 38.000 dwt neo ở Nhật Bản được chốt đến Đông Nam Á với giá khoảng 10.000-10.300 đô la Mỹ.

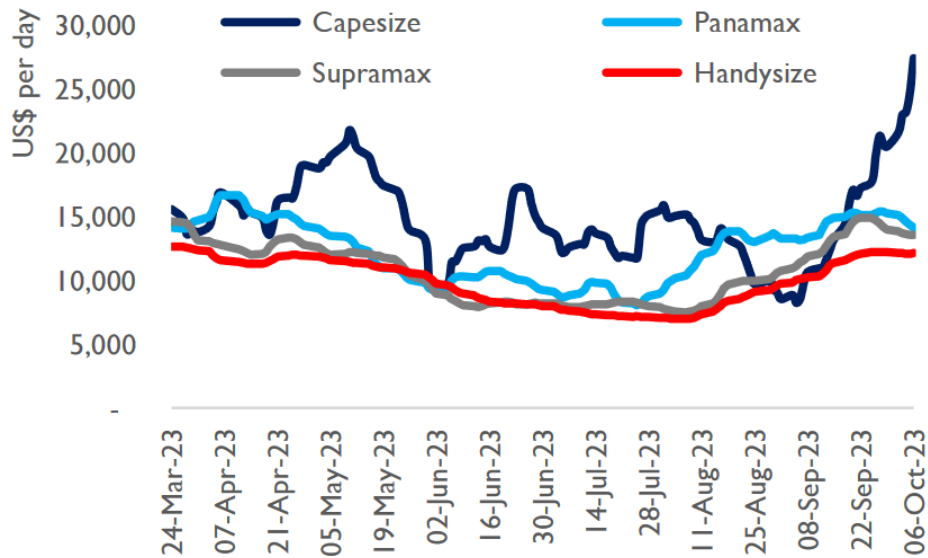
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 40/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 41/2023	TUẦN 40/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 41)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 41)
TRANSATLANTIC RV	17,615	17,240	4,830	17,615
TCT CONT/F.EAST	26,018	25,959	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	6,271	6,498	2,501	9,260
TCT F.EAST RV	12,734	13,150	6,525	14,904
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	16,611	16,443	6,630	17,670
PACIFIC RV	10,693	10,536	5,056	13,310
TCT CONT/F.EAST	24,792	25,592	9,933	25,592

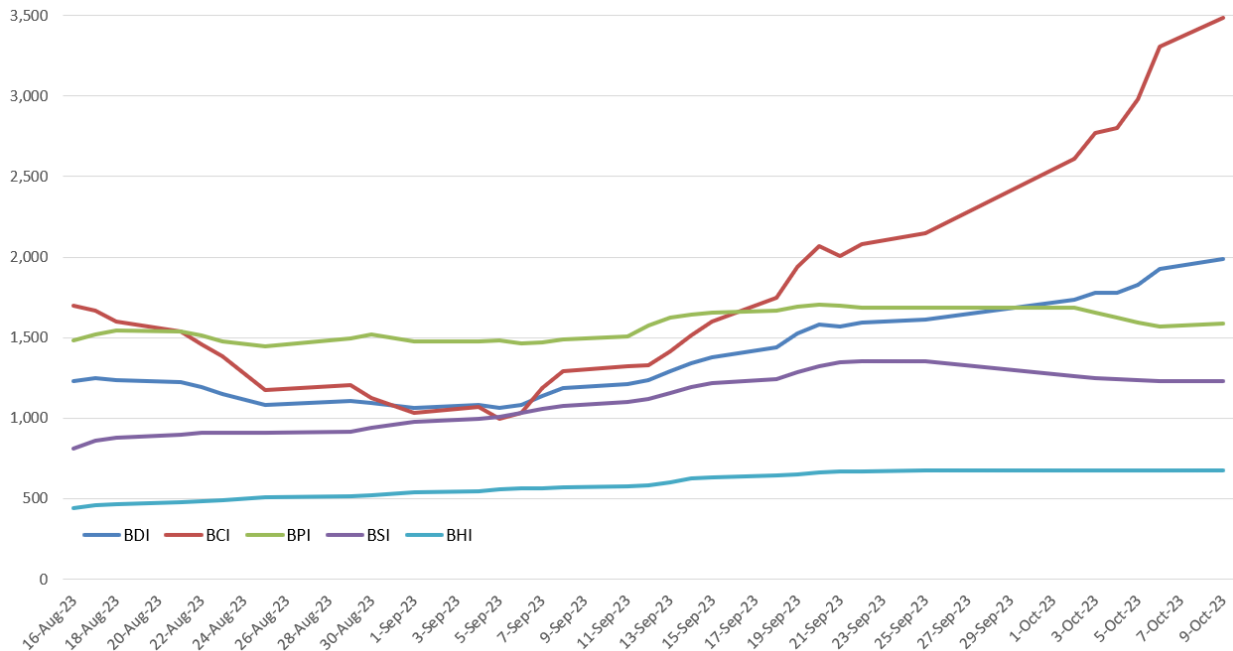
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 06/10/2023

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	13,558	▼	483
HANDIES 38K	12,144	▼	74

(so sánh với giá trị ngày 02/10/2023)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 86,35 đô la Mỹ /thùng, trong khi giá Brent dừng lại ở mức 88,15 đô la Mỹ/thùng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/10, giá dầu đã tăng mạnh hơn 4%, bù đắp sự sụt giảm nặng nề của tuần trước, khi các cuộc đụng độ quân tại Trung Đông làm dấy lên lo ngại rằng một cuộc xung đột rộng hơn có thể ảnh hưởng đến nguồn cung dầu từ khu vực này do nhiều nhà máy bị đồng cừa.

Theo ghi nhận, tuần trước, giá dầu Brent giảm khoảng 11% và dầu WTI giảm hơn 8%, ghi nhận mức giảm hàng tuần lớn nhất kể từ tháng 3, do triển vọng kinh tế vĩ mô u ám làm gia tăng lo ngại về nhu cầu toàn cầu.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p>Phân khúc tàu VLCC</p>	<p>Nhìn chung, các hoạt động giao dịch của phân khúc tàu VLCC diễn ra khá trầm lắng trong tuần vừa qua. Dự âm của kỳ nghỉ Lễ vẫn tiếp tục lan tỏa trên thị trường. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc giảm mạnh xuống mức WS 35. Tại khu vực USG, xu hướng thị trường cũng diễn ra khá ảm đạm. Nguồn cung tàu đang ở mức cao khiến cho việc cạnh tranh về cước giữa các chủ tàu diễn ra khá căng thẳng.</p> <table border="1" data-bbox="491 506 1493 757"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Trung Quốc</td> <td>21.810</td> <td>5.900</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>Trung Đông/USG</td> <td>-10.175</td> <td>-12.100</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	21.810	5.900	↓	Trung Đông/USG	-10.175	-12.100	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Trung Quốc	21.810	5.900	↓														
Trung Đông/USG	-10.175	-12.100	↓														
<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Các giao dịch tại khu vực Đại tây Dương diễn ra khá sôi động trong tuần vừa qua. Theo báo cáo, cước trên tuyến Tây Phi đi Châu Âu có chiều hướng tăng trở lại, hiện đang dao động quanh mức WS 72.5. Tại khu vực Đại Trung Hải, động thái thị trường không có nhiều điểm nhấn, với nguồn cung tàu ở mức khá cao đang là rào cản cho việc tăng cước. Tại khu vực UKC, ghi nhận có khoảng 9 tàu chạy sang khu vực USG trong tuần vừa qua.</p> <table border="1" data-bbox="491 1043 1493 1294"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>12.000</td> <td>19.990</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Biển Đen/ Địa Trung Hải</td> <td>6.900</td> <td>10.650</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	12.000	19.990	↑	Biển Đen/ Địa Trung Hải	6.900	10.650	↑				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Tây Phi / Cont	12.000	19.990	↑														
Biển Đen/ Địa Trung Hải	6.900	10.650	↑														
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Tại khu vực Địa Trung Hải, xu hướng thị trường diễn ra khá ổn định trong tuần vừa qua, do đó cước có chiều hướng tăng nhẹ. Đơn cử, cước trên tuyến x-Med được ghi nhận tăng 3.5 điểm lên mức WS 109.5. Bên cạnh đó, với nguồn cung tàu đang được thắt chặt, thị trường khu vực Biển Bắc cũng đang có xu hướng tăng.</p> <table border="1" data-bbox="491 1554 1493 1872"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Singapore</td> <td>22.500</td> <td>32.800</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Caribs/USG</td> <td>- 380</td> <td>15.100</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Châu Á/Úc</td> <td>28.180</td> <td>28.350</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Singapore	22.500	32.800	↑	Caribs/USG	- 380	15.100	↑	Châu Á/Úc	28.180	28.350	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Singapore	22.500	32.800	↑														
Caribs/USG	- 380	15.100	↑														
Châu Á/Úc	28.180	28.350	↑														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR**: Tại khu vực Bắc Á, Tuần Lễ Vàng không làm giảm tinh thần của người thuê, khi các giao dịch trên thị trường vẫn diễn ra khá ổn định. Theo ghi nhận cước trên tuyến Hàn Quốc/Singapore

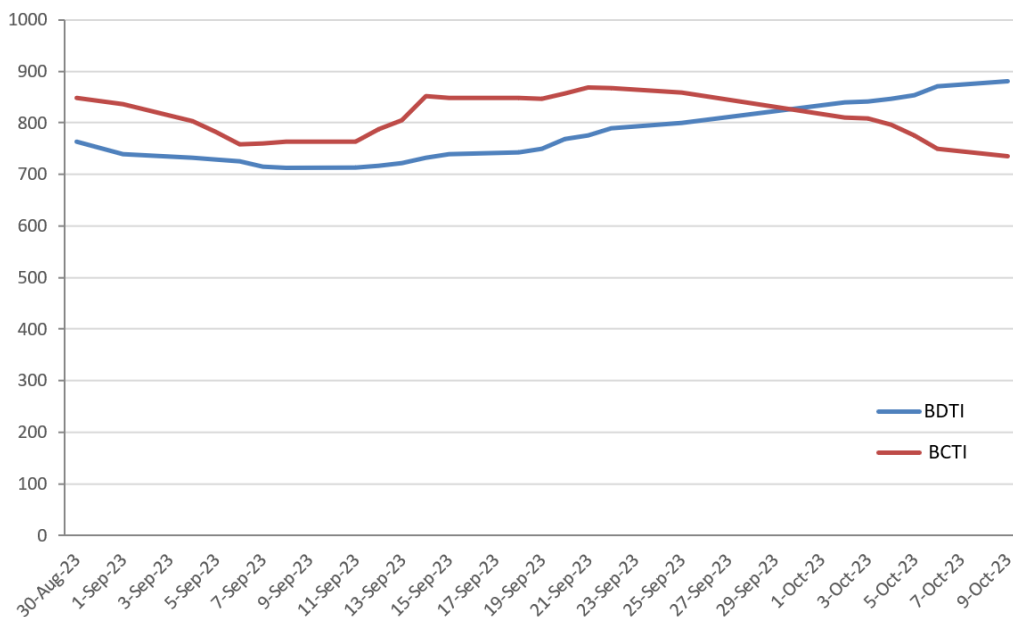
đang tăng lên mức 1,025 triệu đô la Mỹ. Tại khu vực Đông Nam Á, xu hướng thị trường diễn ra khá mờ nhạt trong bối cảnh nguồn cung tàu tại khu vực đang ở mức cao. Ghi nhận, nhiều tàu đang chạy ballast rời khỏi Singapore để tới các khu vực lân cận. Tại khu vực Châu Âu, thị trường được duy trì ở mức ổn định do nguồn cung tàu đang được thắt chặt. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Cont/USAC đang dao động quanh mức WS 180 – tương đương với khoảng 20.150 đô la Mỹ/ngày. Thị trường USG duy trì sự tích cực nhất định, do nhiều tàu đã chạy ballast hướng về khu vực Châu Âu.

Đối với phân khúc **tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Tiếp tục ghi nhận thêm một tuần với xu hướng ảm đạm bao trùm khu vực Châu Á. Các giao dịch đi hướng phía Bắc diễn ra khá trầm lắng. Mặc dù hàng hóa ở khu vực phía Bắc không quá ổn định song nhiều chủ tàu vẫn có xu hướng điều động tàu tới đó. Với Tuần Lễ Vàng tại Trung Quốc diễn ra trong thời gian dài, ghi nhận hầu như không có giao dịch nào được ký kết trong tuần vừa qua. Các giao dịch đi khu vực phía Nam khá ổn định hơn. Ghi nhận, nhiều đơn hàng chở hóa chất và MTBE trên thị trường vẫn chưa được ký kết do nguồn cung tàu đang được thắt chặt. Đối với hàng dầu cọ, với nhu cầu của mùa Lễ hội, các giao dịch vẫn diễn ra khá ổn định. Theo ghi nhận cước từ Straits đi bờ Đông và bờ Tây Ấn Độ đang lần lượt dao động quanh mức 36-38 đô la Mỹ/tấn và 45-47 đô la Mỹ/tấn (cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp và dỡ hàng).

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 41			Giá thuê tàu định hạn tuần 40		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	45,000	43,000	39,500	45,500	43,500	39,500
SUEZMAX	42,000	36,000	33,000	42,000	35,500	32,500
AFRAMAX	41,000	36,500	31,000	41,500	36,500	31,000
LR-2	42,000	37,000	31,500	42,000	36,000	31,500
LR-1	32,000	28,500	26,000	32,000	28,500	26,000
MR	28,000	24,500	22,000	27,500	24,500	22,000
HANDY	24,500	19,500	17,000	24,000	19,000	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	India	540		560		580	
2	Pakistan	520		540		560	
3	Bangladesh	480		500		520	
4	Turkey	300		310		320	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 41/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Leviathan	Tanker	1999	16,809	Undisclosed	500.00	105,365	As is Singapore, incl 250 tons bunkers
Bradley	Tanker	1999	16,368	Undisclosed	500.00	106,474	As is Singapore, incl 250 tons bunkers
MSC Jasmine	Container	1995	14,305	India	580.00	41,771	HKC green recycling
Marsa Iris	Container	1996	7,852	India	-	22,982	
Foresighter	PCC	1987	11,61	Undisclosed	512.00	13,917	As is Japan

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU**

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*